

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 6788/GCN-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 13 tháng 5 năm 2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 1795/TTr-SKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chứng nhận:

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: 54 Phạm Ngọc Thạch, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.831.672; Fax: 02633.827.512

Email: lamdongcdc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực Hóa học và Sinh học (*Phụ lục danh mục sản phẩm, hàng hóa và tên phép thử kèm theo*).

2. Số đăng ký: **02/68/TN**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Phúc);
- Các sở: KH&CN, NNMT, YT, CT;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Duệ);
- Lưu: VT, KGVX (Thập).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Phúc



Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 6 888/GCN-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
I	Lĩnh vực: Hóa học		
1	Bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo	Xác định hàm lượng axit trong bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo	TCVN 4073:2009
2	Cà phê bột	Xác định hàm lượng chất hòa tan của cà phê	TCVN 5252:1990 (*)
3	Cà phê bột	Xác định hàm lượng tro tổng trong cà phê	TCVN 5253:1990 (*)
4	Cà phê bột	Xác định hàm lượng Cafein bằng sắc ký lỏng cao áp	TCVN 9723:2013 (*)
5	Cà phê bột	Xác định hàm lượng tro không tan trong axit của cà phê	TCVN 5253:1990 (*)
6	Cà phê bột	Xác định độ ẩm trong cà phê	TCVN 7035:2002 (*)
7	Chè, trà	Xác định hàm lượng chất chiết	TCVN 5610:2007
8	Kẹo	Xác định hàm lượng tro không tan trong Axit clohydric của kẹo	TCVN 4071:2009
9	Muối ăn	Xác định hàm lượng Kali iodat bằng phương pháp chuẩn độ	TCVN 6341:1998 (*)
10	Nước sạch	Xác định hàm lượng Clorua trong nước	SMEWW 4500 Cl B:2023 (*)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
11	Nước sạch	Xác định độ cứng tổng cộng trong nước	SMEWW 2340-C:2023 (*)
12	Nước sạch	Xác định hàm lượng Calcium trong nước	SMEWW 3500-Ca B:2023 (*)
13	Nước sạch	Xác định hàm lượng Sắt tổng cộng trong nước	SMEWW 3500- Fe-B:2023 (*)
14	Nước sạch	Xác định mùi trong nước	SMEWW 2150B:2023
15	Nước sạch	Xác định vị trong nước	SMEWW 2160B:2023
16	Nước sạch	Xác định độ đục của nước	SMEWW 2130B:2023
17	Nước sạch	Xác định màu sắc trong nước	SMEWW 2120C:2023
18	Nước sạch	Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS) trong nước	SMEWW 2540C:2023
19	Nước sạch	Xác định hàm lượng Sulfat trong nước	EPA-375.4 1993
20	Nước sạch	Xác định hàm lượng Sulfat trong nước	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ :2023
21	Nước sạch	Xác định hàm lượng Amoniac trong nước	US-EPA 1997-350.2
22	Nước sạch	Xác định hàm lượng Amoni trong nước	HD.H 03N.31
23	Nước sạch	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996
24	Nước sạch, nước uống đóng chai	Xác định hàm lượng Mangan trong nước	SMEWW 3500-Mn B:2023
25	Nước sạch, nước uống đóng chai	Xác định hàm lượng Nitrit trong nước	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ :2023 (*)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
26	Nước sạch, nước uống đóng chai	Xác định pH của nước	TCVN 6492:2011 (*)
27	Nước sạch, nước uống đóng chai	Xác định hàm lượng Nitrat (N-NO_3^-) trong nước	TCVN 6180:1996
28	Nước sạch, nước uống đóng chai, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Xác định hàm lượng Clo dư tự do trong nước	HD.N 03.05
29	Rượu có độ cồn thấp và các loại thực phẩm dạng lỏng	Xác định hàm lượng SO_2	AOAC 2000 (892.02)
30	Rượu, cồn, đồ uống có cồn và nước giải khát	Xác định hàm lượng Etanol trong rượu, cồn, đồ uống có cồn và nước giải khát	TCVN 8008:2009
31	Rượu, nước giải khát và đồ uống có cồn	Xác định hàm lượng chất bảo quản Axit benzoic, Natri benzoat, Axit sorbic, Kali sorbat	TCVN 8471:2010
32	Rượu, nước uống có cồn và nước giải khát	Xác định hàm lượng đường tổng trong rượu, nước uống có cồn và nước giải khát	TCVN 7044:2013
33	Thịt và sản phẩm từ thịt	Xác định hàm lượng Natri benzoate, Kali sorbate, Axit benzoic, Axit sorbic trong thịt và sản phẩm từ thịt	TCVN 8471:2010 (*)
34	Thực phẩm	Xác định độ ẩm trong thực phẩm	FAO 1986, 14/7, trang 205 (*)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
35	Thực phẩm	Xác định hàm lượng tro tổng số trong thực phẩm	FAO 1986, 14/7 (*)
36	Trà	Xác định hàm lượng tro tổng trong trà	TCVN 5611:2007 (*)
37	Trà	Xác định độ ẩm trong trà	TCVN 5613:2007 (*)
II	Lĩnh vực: Sinh học		
1	Nước sinh hoạt	Phát hiện và đếm <i>Staphylococcus aureus</i> - Phương pháp màng lọc	SMEWW 9213B:2023 (*)
2	Nước uống đóng chai, nước ăn uống	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (<i>Clostridia</i>) - Phần 2: Phương pháp màng lọc	TCVN 6191-2:1996 (*)
3	Nước uống đóng chai, nước ăn uống	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột - Phần 2: Phương pháp lọc màng	TCVN 6189-2:2009 (*)
4	Nước uống đóng chai, nước ăn uống	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas Aeruginosa</i> - Phương pháp màng lọc	TCVN 8881:2011 (*)
5	Nước uống đóng chai, nước ăn uống, nước sinh hoạt	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp	TCVN 6187-1:2019 (*)
6	Thực phẩm	Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Phương pháp định lượng vi sinh vật - Phần 1: Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa	TCVN 4884-1:2015 (*)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
7	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Coliform - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	TCVN 6848:2007 (*)
8	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β -D-glucuronid	TCVN 7924-2:2008 (*)
9	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch kỹ thuật đếm khuẩn lạc 30°C	TCVN 4992:2005 (*)
10	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i>) trên đĩa thạch - Phần 1: Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker	TCVN 4830-1:2005 (*)
11	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Nấm men, Nấm mốc - Phần 1: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc có hoạt độ nước lớn hơn 0.95%	TCVN 8275-1:2010 (*)
12	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực	TCVN 8275-2:2010 (*)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Tên phương pháp thử
		phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Nấm men, Nấm mốc - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc có hoạt độ nước nhỏ hơn 0.95%	
13	Thực phẩm	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của <i>Salmonella</i> - Phần 1: Phương pháp phát hiện <i>Salmonella</i> spp	TCVN 10780-1:2017 (*)
14	Thực phẩm	Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i>	TCVN 7700-1:2007
15	Thực phẩm	Phát hiện <i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> và <i>Vibrio</i> <i>cholerae</i>	TCVN 7905-1:2008
16	Thực phẩm	Định lượng <i>Clostridium</i> <i>perfringens</i> - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	TCVN 4991:2005
17	Thực phẩm	Phát hiện và định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	TCVN 5518-2:2007

Ghi chú: (*) Phương pháp đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.